TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KONTUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST.
Ngày: 12/01/2018.
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY-TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Thiều Thị Dũng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Chinh**
2. Ông **Dương Văn Thành.**

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Hương**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy**.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Nghĩa**- Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Toà án nhân dân huyện Sa Thầy mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLST-DS ngày 04/10/2017 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" chuyển thụ lý mới số 04/2018/TLST-DS ngày 10/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST-DS ngày 28/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng T Việt Nam**

Trụ sở: 108 THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Do ông **Nguyễn Văn T**- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật, ủy quyền cho ông Lê Xuân Đ- Phó Giám đốc Chi nhánh KT tham gia tố tụng.

Địa chỉ: Số 92 T P, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Kim P**, sinh năm: 1967 và bà **Trần Thị N**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5 thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Trần TP**, sinh năm: 1996 và chị **Nguyễn Trần HY**, sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5 thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

(1) Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, Ngân hàng T Việt Nam thể hiện: Ngày 09/9/2016, Ngân hàng T Việt nam- chi nhánh K- Phòng giao dịch huyện S với ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 199/2016-HĐTD/NHCT510 với nội dung vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay: đầu tư thu mua mì, thời hạn vay: 12 tháng (từ

ngày 09/9/2016 đến ngày 09/9/2017), lãi suất vay: 8,5%/năm, thời hạn trả lãi: ngày 10 hàng tháng. Để đảm bảo khoản vay trên, ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N đã thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 81/2015/HĐTC ngày 08/9/2015, cụ thể: Quyền sử dụng đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 48, diện tích 494m^2 , đất ODT 250m^2, đất LNK 244m^2 với vị trí thửa đất ở thôn 5 thị trấn S, huyện S (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB208923 do UBND huyện S cấp ngày 14/10/2010); Tài sản được ghi trên Giấy CNQSDĐ : Nhà ở cấp 4 có diện tích xây dựng 78m^2, mái lợp tôn, nền gạch men, tường xây gạch, năm hoàn thành xây dựng 1998, chủ sở hữu: Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại UBND thị trấn S, huyện S ngày 08/9/2015, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất- Phòng tài nguyên Môi trường huyện S ngày 08/9/2015.

Tính tới thời điểm ngày 02/10/2017, tổng số tiền mà ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng T Việt Nam là: 266.391.116đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn một trăm mười sáu đồng). Trong đó: Tiền gốc: 250.000.000 đ, tiền lãi trong hạn: 15.676.528đ, tiền lãi quá hạn: 714.588đ. Mặc dù Ngân hàng T Việt Nam đã nhiều lần thông báo, đôn đốc nhưng vợ chồng ông P và bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nội dung ký kết hợp đồng, khoản vay đã quá hạn lãi từ tháng 3/2017. Để đảm bảo quyền lợi cho bên vay, Ngân hàng T Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dung đã ký kết.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời bổ sung thêm yêu cầu: vợ chồng ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N phải trả số tiền tính đến ngày xét xử là: 276.803.640 đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm lẻ ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc: 250.000.000 đ, tiền lãi trong hạn: 22.618.195 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.185.444 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm sau ngày xét xử cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Nếu ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì đề nghị bán tài sản qua trung tâm bán đấu giá để thu hồi nợ. Trường hợp bán hết tài sản thế chấp vẫn chưa thu đủ nợ vay (Gốc, lãi, lãi phạt, các khoản chi phí liên quan khác- nếu có), Ngân hàng T Việt Nam đề nghị tiếp tục kê biên đối với tài sản khác của ông P và bà N để thu hồi nợ, đồng thời ông P và bà N phải chịu toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc xử lý nợ. Trường hợp bán đấu giá toàn bộ tài sản nhiều hơn số tiền mà ông P và bà N phải trả cho ngân hàng T Việt Nam- thì vợ chồng ông P và bà N được nhận số tiền còn dư đó.

(2) Bị đơn Ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn khởi kiện đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng hiện tại ông P và bà N không có mặt tại địa phương, khi đi không khai báo tạm trú tạm vắng, hiện nay không biết địa chỉ của ông P và bà N ở đâu. Do vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, ông P và bà N chưa đến Tòa án làm việc theo như thông báo của Tòa án.

(3) Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Trần TP và Nguyễn Trần HY là con ruột của ông P, bà N cùng đứng tên trong Hợp đồng tín dụng nhưng hiện tại anh P, chị Y không có mặt tại địa phương, không khai báo tạm vắng với chính quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị Y và anh P không đến Tòa án làm việc theo như giấy báo.

(4) Đại diện Viện kiểm sát huyện S có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện đồng thời các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 09/9/2016, Ngân hàng T Việt Nam- chi nhánh K- Phòng giao dịch huyện S với ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 199/2016-HĐTD/NHCT510 với nội dung vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 81/2015/HĐTC ngày 08/9/2015, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB208923 do UBND huyện S cấp ngày 14/10/2010. Do vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015. Ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn 5 thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện S theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, 39 BLTTDS 2015.

- Về thời hiệu giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng T Việt Nam- Chi nhánh K với ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N ký kết vào ngày 09/9/2016, thời hạn vay 12 tháng. Từ tháng 3/2017 ông P và bà N đã vi phạm hợp đồng, không trả tiền lãi như cam kết, đến ngày 09/9/2017 ông P và bà N không trả tiền gốc và lãi nên ngày 02/10/2017 Ngân hàng T Việt Nam khởi kiện tại TAND huyện S là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ngày 09/9/2016, Ngân hàng T Việt nam chi nhánh K- Phòng giao dịch huyện S với ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 199/2016-HĐTD/NHCT510 với nội dung vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay: đầu tư thu mua mì, thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 09/9/2016 đến ngày 09/9/2017), lãi suất vay: 8,5%/năm, thời hạn trả lãi: ngày 10 hàng tháng. Để đảm bảo khoản vay trên, ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N đã thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 81/2015/HĐTC ngày 08/9/2015, cụ thể: Quyền sử dụng đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 48, diện tích 494m^2 , đất ODT

250m^2, đất LNK 244m^2 với vị trí thửa đất ở thôn 5 thị trấn S, huyện S (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB208923 do UBND huyện S cấp ngày 14/10/2010); Tài sản được ghi trên Giấy CNQSDĐ : Nhà ở cấp 4 có diện tích xây dựng 78m^2, mái lợp tôn, nền gạch men, tường xây gạch, năm hoàn thành xây dựng 1998, chủ sở hữu: Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại UBND thị trấn S, huyện s ngày 08/9/2015, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất- Phòng tài nguyên Môi trường huyện S ngày 08/9/2015. Đã quá thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay nhưng ông P và bà N vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ theo như hợp đồng đã ký kết. Do vậy, ngày 02/10/2017, Ngân hàng T Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện S giải quyết buộc ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N trả số tiền là: 266.391.116đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn một trăm mười sáu đồng). Trong đó: Tiền gốc: 250.000.000 đ, tiền lãi trong hạn: 15.676.528đ, tiền lãi quá hạn: 714.588đ. Tại phiên tòa, Ngân hàng T Việt Nam yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N phải trả số tiền tính đến ngày xét xử là: 276.803.640 đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm lẻ ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc: 250.000.000 đ, tiền lãi trong hạn: 22.618.195 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.185.444 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm sau ngày xét xử cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Xét về nội dung Hợp đồng tín dụng, bảng tính lãi đến ngày hòa giải và ngày mở phiên tòa , bảng theo dõi gốc lãi cũng như các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp thì Hợp đồng tín dụng số 199/2016-HĐTD/NHCT510 được hai bên tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng T Việt Nam- chi nhánh K đã giải ngân và ông P, bà N đã nhận đủ tiền vay, còn ông p và bà N chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ trả lãi, và đã vi phạm không trả lãi từ tháng 3/2017. Đến ngày 09/9/2017, ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét yêu cầu của Ngân hàng T Việt Nam buộc ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N trả số tiền gốc đã vay và lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

Theo điểm a Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 199/2016-HĐTD/NHCT510 ngày 09/9/2016 và Điều 5 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 81/2015/HĐTC ngày 08/9/2015 thì hai bên đã tự nguyện thỏa thuận Ngân hàng T Việt Nam có quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên vay không thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn mà không cần sự đồng ý hoặc ủy quyền của bên vay tại thời điểm xử lý. Xét sự thỏa thuận trong hợp đồng được thực hiện bởi các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã được công chứng tại UBND thị trấn S, huyện s ngày 08/9/2015, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất- Phòng tài nguyên Môi trường huyện S ngày 08/9/2015 nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do vậy, đề nghị của Ngân hàng T Việt Nam về việc phát mãi tài sản là tài sản đã được thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ là có cơ sở cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Trần TP và Nguyễn Trần HY là con ruột của ông P, bà N cùng đứng tên trong Hợp đồng tín dụng nhưng hiện tại ông P, bà N, anh P, chị Y không có mặt tại địa phương, không khai báo tạm vắng với chính quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định và giải quyết vắng mặt là đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng T Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 121; 122; 123; 290; 336; 342; 343; 355 và Điều 388 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Chấp nhận đơn khởi kiện về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng T Việt Nam đối với vợ chồng ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N, đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017.

Xử tuyên buộc ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng T Việt Nam tổng số tiền là: 276.803.640 đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm lẻ ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc khi vay: 250.000.000 đ, tiền lãi trong hạn: 22.618.195 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.185.444 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thi hành xong theo như Hợp đồng tín dụng số 199/2016-HĐTD/NHCT510 ngày 09/9/2016 giữa cho Ngân hàng T Việt Nam với ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà vợ chồng ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N không trả đúng hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng T Việt Nam thì tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB208923 do UBND huyện S cấp ngày 14/10/2010, tại thửa số 24, tờ bản đồ số 48, diện tích 494m^2 , đất ODT 250m^2, đất LNK 244m^2, vị trí thửa đất ở thôn 5 thị trấn S, huyện S; Tài sản được ghi trên Giấy CNQSDĐ: Nhà ở cấp 4 có diện tích xây dựng 78m^2, mái lợp tôn, nền gạch men, tường xây gạch, năm hoàn thành xây dựng 1998, mang tên chủ hộ Nguyễn Kim P và Trần Thị N sẽ được phát mãi để thu hồi toàn bộ số nợ nói trên cho Ngân hàng T Việt Nam.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 143; Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 5, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Kim P và bà Trần Thị N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.840.182 đ (Mười ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn một trăm tám mươi hai đồng).

Trả lại cho Ngân hàng T Việt Nam số tiền 6.660.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng T Việt Nam đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/0008989 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2018) nguyên đơn có quyền gửi đơn kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày , kể từ ngày những người này nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- TAND Tỉnh kon tum;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Thiều Thị Dũng